TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2024
V/v Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1025/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về " Tranh chấp Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 677/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. *(Có mặt)*

Địa chỉ thường trú: Tổ B, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Số A, Đường số A, Tổ B, Ấp G, xã T, huyện C, TP ..

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1989. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ thường trú: Tổ D, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Số A, Đường số A, Tổ B, Ấp G, xã T, huyện C, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào khoảng năm 2016, bà và ông Trần Văn M có quen biết và tìm hiểu nhau, đến năm 2017 thì bà T và ông M có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2017 ngày 03/11/2017.

Thời gian đầu bà và ông M sống rất hạnh phúc, nhưng những năm gần đây thường xuyên gây gỗ, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà đã nhiều lần khuyên ông M hãy vì gia đình, con cái, sống hòa thuận và xây dựng hạnh phúc. Nhưng ông M vẫn không thay đổi, thường xuyên đánh đập bà, đam mê cờ bạc, gái gú thâu đêm.

Nay vì mục đích hôn nhân không đạt được, không đem lại hạnh phúc như mong muốn, tình cảm vợ chồng không còn như trước, bà mong muốn được ly hôn với ông Trần Văn M chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Bà T và ông M có 01 con chung tên Trần Quỳnh C, sinh ngày: 02/4/2017. Sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng được quyền nuôi con Trần Quỳnh C. Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

**** Bị đơn ông Trần Văn M vắng mặt.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn M là "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình"; bị đơn trong vụ án là ông Trần Văn M cư trú tại huyện C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với ông Trần Văn M đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Văn M vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn M theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn M có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2017 ngày 03/11/2017, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T trình bày thời gian đầu bà và ông M sống rất hạnh phúc, nhưng những năm gần đây thường xuyên gây gỗ, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà đã nhiều lần khuyên ông M hãy vì gia đình, con cái, sống hòa thuận và xây dựng hạnh phúc nhưng ông M vẫn không thay đổi. Nay vì mục đích hôn nhân không đạt được, không đem lại hạnh phúc như mong muốn, tình cảm vợ chồng không còn như trước, bà T mong muốn được ly hôn với ông Trần Văn M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông M không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà T nên Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông M đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn

nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T .

[4] Về con chung: có 01 (một) con chung tên Trần Quỳnh C, sinh ngày 02/4/2017. Bà T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ C. Bà T không yêu cầu ông Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ C hiện đang sống chung với bà T, có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà T, ông M đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không thể hiện ý kiến gì về việc nuôi con, để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho trẻ C, Hội đồng xét xử tiếp tục giao trẻ C cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T là được ly hôn với ông Trần Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2017 ngày 03/11/2017 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn M không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 01(một) con chung tên Trần Quỳnh C, sinh ngày 02/4/2017.

Giao trẻ Trần Quỳnh C cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn M không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2023/0018116 ngày 04/10/2023 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- UBND xã Đồng Du, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Ngọc